

THƯỢNG
THƯ

THƯỢNG THƯ(尚書)

Khổng Tử(孔子) *san định*

Hình thành vào khoảng thế kỷ V trước Công nguyên

Tác phẩm thuộc về công chúng

Dịch giả: Nhượng Tống (1904-1949)

Công ty Cổ phần Sách Omega Việt Nam xuất bản, bìa mềm, tay gấp, 2026

Thiết kế và trình bày: Công ty Cổ phần Sách Omega Việt Nam

Công ty Cổ phần Sách Omega Việt Nam - thành viên của Alpha Publishing Group.

CÔNG TY CP SÁCH OMEGA VIỆT NAM (OMEGA PLUS) thành lập tháng 9/2016 với định hướng xuất bản tri thức nền tảng trong lĩnh vực Khoa học Nhân văn, Khoa học Tự nhiên, Chính trị - Xã hội, Triết học, Nghệ thuật... Đến nay, chúng tôi đã xuất bản gần 500 đầu sách thuộc 7 tủ sách, bao gồm: Kinh điển, Sử Việt, Khoa học, Nhân vật Vĩ đại, Nghệ thuật, Tủ sách Đời người và Tủ sách Y sinh. Thông qua việc xuất bản các ấn phẩm có giá trị, mang hàm lượng tri thức cao, qua các hoạt động nhằm đưa tri thức hữu ích đến cộng đồng, Omega Plus mong muốn đóng góp theo cách riêng vào sự phát triển đang ngày càng mạnh mẽ của xã hội.

Không phần nào thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Sách Omega Việt Nam và được chủ sở hữu nhượng quyền trong xuất bản phẩm này được phép sao chép, lưu trữ trong hệ thống truy xuất hoặc truyền đi dưới bất kỳ hình thức nào hoặc bằng bất kỳ phương tiện nào gồm điện tử, cơ khí, sao chụp, ghi âm hoặc mọi hình thức và phương tiện khác mà không có sự cho phép trước bằng văn bản của Công ty Cổ phần Sách Omega Việt Nam. Chúng tôi luôn mong muốn nhận được những ý kiến đóng góp của quý vị độc giả để sách ngày càng hoàn thiện hơn.

Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia Việt Nam

Thượng Thư / Khổng Tử san định. - H. : Thế giới ; Công ty Sách Omega Việt Nam, 2026. - 232 tr. ; 21 cm

1. Nho giáo 2. Kinh Thư

181.112 - dc23

TGH0286p-CIP

Góp ý về sách, liên hệ về bản thảo và bản dịch: info@omegaplus.vn

Liên hệ ebooks, hợp tác xuất bản & truyền thông trên sách: truyenthong@omegaplus.vn

Liên hệ dịch vụ bản quyền, xuất bản, ký gửi và phát hành: dichvu@omegaplus.vn

THƯỢNG THƯ

KHỔNG TỬ
san định
Nhượng Tống dịch

⊕ MEGA⁺



NHÀ XUẤT BẢN
THẾ GIỚI

Lời nói đầu

Thượng Thư (Kinh Thư) là một trong những bộ kinh điển quan trọng bậc nhất của Nho học, đồng thời cũng là một trong những thư tịch cổ xưa nhất còn lưu truyền của văn minh Trung Hoa. Trải qua bao phen binh lửa, thất tán, sưu tầm và khảo định, bộ sách đã hình thành nên diện mạo như ngày nay, vừa là tư liệu lịch sử, vừa là kho tàng tư tưởng chính trị, đạo đức và văn hóa có ảnh hưởng sâu rộng đối với nhiều quốc gia trong khu vực Đông Á, trong đó có Việt Nam.

Ở nước ta, bản dịch của học giả Nhượng Tống, tức Hoàng Phạm Trân (1904-1949), từ lâu đã được xem là một công trình dịch thuật đặc sắc. Không chỉ chuyển tải nội dung của nguyên điển, bản dịch còn mang theo phong vị văn chương của một thời, với lối hành văn trong sáng, nhịp nhàng, vừa cổ kính vừa gần gũi.

Lần tái bản năm 2026 này được thực hiện trên cơ sở bản in của Nhà xuất bản Tân Việt năm 1963. Chúng tôi chủ trương tôn trọng tối đa nguyên tác và bản dịch

của Nhượng Tống, giữ nguyên văn phong, cách dùng từ cũng như lối diễn đạt vốn có, để bạn đọc hôm nay có thể tiếp cận tác phẩm trong hình thức gần nhất với bản in đã từng được nhiều thế hệ độc giả biết đến.

Dẫu vậy, nhằm tạo thuận lợi hơn cho việc đọc và tra cứu, ban biên tập cũng có một vài can thiệp ở mức tối thiểu. Trước hết, tại những thiên mà dịch giả đặt các mục “Lời bàn của người dịch” hoặc “Lời bàn của kẻ dịch”, chúng tôi thống nhất sử dụng nhan đề “Lời bàn của kẻ dịch” để bảo đảm sự nhất quán trong toàn bộ cuốn sách. Một số nhân danh lịch sử được bổ sung chú thích nhằm giúp độc giả dễ nhận diện hơn. Đối với vài trường hợp mà cách phiên âm của dịch giả có lẽ chưa thật thống nhất với cách đọc hiện nay, chúng tôi giữ nguyên văn bản gốc, đồng thời bổ sung ở phần chú thích tên gọi thông dụng ngày nay kèm theo chữ Hán để tiện đối chiếu. Ngoài ra, tại một số chỗ dịch giả đặt dấu hỏi vì chưa xác định được ý nghĩa của nguyên văn, sau khi tham khảo một số bản *Thượng Thư* đã xuất bản tại Trung Quốc, chúng tôi bổ sung phần dịch nghĩa ở chú thích, để bạn đọc có thêm tư liệu tham khảo mà không làm thay đổi văn bản của dịch giả.

Những bổ sung ấy đều nhằm mục đích hỗ trợ việc tiếp nhận tác phẩm, không nhằm thay thế hay sửa

đổi tư tưởng, lập luận và phong cách của người dịch. Chúng tôi mong rằng lần tái bản này vừa giữ được tinh thần của bản dịch kinh điển đã gắn bó với nhiều thế hệ độc giả, vừa đáp ứng phần nào nhu cầu tham khảo của bạn đọc ngày nay.

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH OMEGA VIỆT NAM

Mục lục

Lời nói đầu	5
Cùng bạn đọc	15
Tựa	20

NGU THƯ

Nghiêu diễn (<i>Kim, Cổ văn đều có</i>)	26
Thuần diễn (<i>Kim, Cổ văn đều có</i>)	33
Đại Vũ mô (<i>Cổ văn có, Kim văn không</i>)	43
Cao Rao mô (<i>Kim văn, Cổ văn đều có</i>)	50
Ích Tắc (<i>Kim văn, Cổ văn đều có. Riêng Kim văn thì dồn vào với Cao Rao mô. Xem ý văn thì như thế có lẽ phải hơn</i>)	54

HẠ THƯ (Sách đời Hạ)

Vũ cống (<i>Vũ, tức Đại Vũ, chúa đất Sùng, và được Thuần truyền ngôi Thiên tử. Ấy là ông vua đầu đời Hạ. Cống, có hai nghĩa: một là những thứ mà các chúa chư hầu phải nộp về Thiên tử; hai là tên chung các thứ thuế về đời Hạ. Vũ cống, nghĩa là phép cống do Vũ định ra. Vũ, trong khi đi trị thủy, len lỏi khắp mọi nơi. Nhân ghi những núi, sông, thổ sản, địa chất ở các nơi ấy mà đặt ra các thứ thuế, các đồ cống. Sử thần theo đó chép nên thiên này. Nó là một cuốn Địa dư cổ nhất nước Tàu. Kim văn, Cổ văn đều có</i>)	62
--	----

Cam thệ (*Con Vũ là Khải nối ngôi Thiên tử. Chúa nước Hữu Hồ không phục. Khải cất quân đánh. Đây là lời thệ sư của Khải ở Cam, biên giới phía Nam của địch quốc. Kim văn, Cổ văn đều có*) 70

Ngũ tử chi ca (*Lời ca của năm chàng. Năm chàng đều là con vua Khải và em vua Thái Khang. Kim văn không, Cổ văn có*) 72

Dận chinh (*Kim văn không, Cổ văn có*) 75

THƯƠNG THƯ (Sách đời Thương)

Thang thệ (*Thang, chúa nước Thương, dòng dõi Tiết. Thang thệ là lời thệ sư của Thang, khi cất quân đánh vua nhà Hạ là Kiệt, và cướp lấy ngôi Thiên tử. Ở nước Tâu, ngôi Thiên tử thành ra món tranh cướp bắt đầu từ ông này. Kim, Cổ văn đều có*) 78

Trọng Hủy chi cáo (*Kim văn không, Cổ văn có*) 80

Thang cáo (*Kim văn không, Cổ văn có*) 82

Y huấn (*Lời Y Doãn dạy vua Thái Giáp, con Thành Thang. Kim văn không, Cổ văn có*) 84

Thái Giáp thượng (*Kim văn không, Cổ văn có*) 86

Thái Giáp trung 88

Thái Giáp hạ 90

Hàm hữu nhất đức (*Một điều có đức... Kim văn không, Cổ văn có*) 91

Bàn Canh thượng (Nhà Thương Nguyên đóng đô ở Bạc. Đến đời Tổ Ất thiên đô sang Canh, thường bị nạn nước lụt. Vì thế vua Bàn Canh phải thiên đô sang Ân. Đây là lời khuyên bảo quan, dân trong khi thiên đô. Kim văn, Cổ văn đều có. Nhưng Kim văn hợp ba thiên làm một)	93
Bàn Canh trung	97
Bàn Canh hạ	100
Duyệt mệnh thượng (Lời vua Cao tông truyền cho Phó Duyệt. Kim văn không, Cổ văn có)	103
Duyệt mệnh trung	105
Duyệt mệnh hạ	107
Cao tông Dung nhật (Dung nhật, ngày làm lễ Dung. Một lễ làm thêm sau ngày tế chính, cũng như lễ “hóa vàng” đối với ngày giỗ của ta. Hôm vua Cao tông làm lễ Dung, thấy có chim trĩ gáy. Tổ Kỷ cho là điềm gở liền đem lời khuyên can. Sử thần chép chuyện đó làm thiên này. Kim, Cổ văn đều có)	110
Tây Bá kham Lê (Tây Bá, tức là Văn vương nhà Chu. Lê là tên một nước chư hầu. Bấy giờ là về đời vua Trụ, ông vua cuối cùng của nhà Thương. Vua Trụ cho Tây Bá được quyền đánh các nước chư hầu. Tổ Y thấy Tây Bá diệt nước Lê, sợ thế nhà Chu ngày một lớn, nên vào thưa với vua Trụ. Sử thần chép chuyện ấy làm thiên này. Kim, Cổ văn đều có)	112

Vi tử (Vi, tên nước, Tử, một trong năm tước. Vi tử tên là Khải, là anh con mẹ thứ của vua Trụ. Vi tử lo nhà Thương sắp mất, bàn với Cơ tử (Thái sư) và Tỉ Can (Thiếu sư). Sử thần chép lại lời bàn ấy. Kim, Cổ văn đều có)	114
--	-----

CHU THƯ (Sách đời Chu)

Thái thế thượng (Lời thế sư của Vũ vương nhà Chu khi cất quân đánh vua Trụ nhà Thương. Kim văn không, Cổ văn có)	118
Thái thế trung	120
Thái thế hạ	122
Mục thế (Kim văn, Cổ văn đều có)	124
Vũ thành (Thành công của việc dùng vũ. Kim văn không, Cổ văn có)	126
Hồng phạm (Khuôn phép lớn. Kim, Cổ văn đều có)	129
Lũ Ngao (Chó Ngao của dân Lũ. Kim văn không, Cổ văn có)	136
Kim đằng (Cái hòm gắn bằng vàng. Kim, Cổ văn đều có)	138
Đại cáo (Vũ vương, sau khi đánh được nhà Thương, phong con vua Trụ (Thụ) là Vũ Canh làm chúa ở đất nhà Thương cũ. Và sai em là bọn Quản Thúc ba người giám sát Vũ Canh. Vũ vương mất, Thành vương lên ngôi. Bọn Quản Thúc liền cùng Vũ Canh làm phản. Thành vương sai Chu công cất quân đánh bọn làm phản ấy. Đây là lời tuyên cáo với thiên hạ của Thành vương khi ấy. Kim, Cổ văn đều có)	142

Vi tử chi mệnh (<i>Thành vương sau khi giết Vũ Canh mới phong Vi tử làm chúa nước Tống để kế tiếp việc thờ cúng các vua nhà Thương. Đây là lời truyền phán trong việc phong tước ấy. Kim văn không, Cổ văn có</i>)	147
Khang cáo (<i>Lời Vũ vương phong em là Khang Thúc làm Vệ hầu. Kim, Cổ văn đều có</i>)	149
Tửu cáo (<i>Lời Vũ vương răn Khang Thúc về chuyện uống. Kim, Cổ văn đều có</i>)	155
Tử tài (<i>Kim, Cổ văn đều có. Cũng như Tửu cáo, thiên này cũng là lời Vũ vương dạy Khang Thúc</i>)	159
Thiệu cáo (<i>Lời tâu Thành vương của Thiệu công Thích, một bậc nguyên lão đời ấy. Kim, Cổ văn đều có</i>)	162
Lạc cáo (<i>Kim, Cổ văn đều có</i>)	166
Đa sĩ (<i>Kim, Cổ văn đều có</i>)	172
Vô dật (<i>Chớ rồi. Lời Chu công khuyên Thành vương. Kim, Cổ văn đều có</i>)	177
Quân Thích (<i>Quân Thích là tên Thiệu công. Thiệu công cáo lão, Chu công lưu lại. Thiên này chép về chuyện đó. Kim, Cổ văn đều có</i>)	181
Sái Trọng chi mệnh (<i>Lệnh phong Sái Trọng. Lời Thành vương truyền phong Sái Trọng, em con nhà chú, làm chúa nước Sái. Kim văn không, Cổ văn có</i>)	186

Đa phương (Lời tuyên cáo các phương. Thành vương lên ngôi, nước Yểm cùng dân Hoài Di, dân Từ Nhung, và nhiều nơi nữa nổi lên làm loạn. Sau khi diệt nước Yểm, Chu công thay lời Thành vương làm lời tuyên cáo này. Kim, Cổ văn đều có)	188
Lập chính (Gây nền chính trị. Lời Chu công khuyên Thành vương. Kim, Cổ văn đều có)	193
Chu quan (Các quan nhà Chu. Lời Thành vương khuyên dạy trăm quan. Kim văn không, Cổ văn có)	197
Quân Trần (Sau khi Chu công mất, Thành vương sai Quân Trần ra coi thay ấp Lạc. Đây là lời sách mệnh lúc ấy. Kim văn không, Cổ văn có)	201
Cổ mệnh (Mệnh lệnh để lại khi hấp hối. Kim, Cổ văn đều có)	204
Khang vương chi cáo (Lời tuyên cáo của Khang vương - con Thành vương. Kim, Cổ văn đều có. Nhưng Kim văn thì hợp với Cổ mệnh làm một thiên)	209
Tất mệnh (Lời Khang vương truyền cho Tất công. Kim văn không, Cổ văn có)	211
Quân Nha (Lời Mục vương, cháu Khang vương truyền cho Quân Nha. Kim văn không, Cổ văn có)	214
Quỳnh mệnh (Lời Mục vương cử Bá Quỳnh làm Thái bộc. Kim văn không, Cổ văn có)	216

- Lã hình (*Phép hình phạt của Lã hầu, khi ấy làm chức Tư khấu cho Chu Mục vương. Phàm những chỗ “Nhà vua nói” trong thiên, đều là lời Lã hầu nói thay Nhà vua. Kim, Cổ văn đều có*) 218
- Văn hầu chi mệnh (*Lời Bình vương truyền cho chúa Văn hầu nước Tấn. Cha Bình vương là U vương bị giặc Khuyển Nhung giết chết. Chúa Văn hầu nước Tấn cùng chúa Vũ công nước Trịnh đón Thái tử lập lên làm vua dời đô sang Lạc để tránh rợ Khuyển Nhung. Vì công ấy, nên Văn hầu được phong làm Phương bá. Kim, Cổ văn đều có*) 224
- Phí thệ (*Lời Bá Cầm, con Chu công và chúa nước Lỗ thệ sư ở đất Phí. Kim, Cổ văn đều có*) 226
- Tần thệ (*Lời tự hối của chúa Mục công nước Tần nói với các quan. Kim, Cổ văn đều có*) 228

Cùng bạn đọc

Bộ *Thượng Thư* này là một trong các bộ sách do chính tay thầy Khổng¹ san định.

Thầy Khổng, một ông Thánh lớn nhất trong đạo Nho; khi tuổi đã già, biết Đạo mình không làm nổi, bèn lui về soạn thuật các sách, hòng để lại Đạo ấy cho đời sau.

Các sách của thầy, người sau vì có tôn trọng đều gọi là Kinh. Các Kinh ấy gồm có sáu: *Lễ*, *Nhạc*, *Thi*, *Thượng Thư*, *Xuân Thu* và *Chu Dịch*.

Sau hồi Tần Thủy Hoàng đốt sách và chôn sống các nhà Nho, *Lễ Kinh* và *Nhạc Kinh* bị mất hẳn. Bộ sách ta gọi là *Kinh Lễ* ngày nay chẳng phải là của thầy Khổng. Ấy là bộ *Lễ Ký*, do các nhà Nho đời Hán sưu tập các thiên sách lẻ loi của các nhà Nho đời trước mà soạn nên. Tôi cũng chẳng rõ tại sao nó được cái hân hạnh

1. Xem “Thế gia thầy Khổng” trong *Sử ký* của Tư Mã Thiên, Nhượng Tống dịch, Tân Việt tái bản.

đứng ngang hàng với các sách của thầy Khổng? Còn một bộ nữa gọi là *Chu Lễ*, chép các chế độ của đời Chu rất là kỹ lưỡng. Song người ta xét ra thì đó chỉ là công trình tưởng tượng của một nhà Nho nào đó mà thôi!

Kinh Thi và *Kinh Xuân Thu*, về đời Hán, người ta nhất nhạnh lại cơ hồ được hoàn toàn?

May mắn nhất là kinh *Chu Dịch*! Vua Tần không đốt, vì nó là một cuốn sách dùng để bói...

Vất vả nhất là bộ *Thượng Thư* này!

Sách *Nghệ Văn Chí* đời Hán chép:

“*Kinh Thượng Thư* gồm hai mươi chín cuốn”.

Bên dưới chua:

“Ấy là bộ sách mà Phục Sinh truyền lại”.

Trong *Sử ký* của Tư Mã Thiên, về mục “Truyện rừng nho”, có nói:

“Phục Sinh tên là Thắng, làm quan Bác sĩ đời Tần. Vì đời Tần cấm sách, Phục Sinh giấu nó vào trong tường vách. Về sau loạn lớn nổi lên, ông bị xiêu dạt. Nhà Hán bình định rồi, Phục Sinh tìm lại sách, mất đi vài chục thiên, chỉ còn được có hai mươi chín thiên! Liên đem dạy ở khoảng Tê, Lỗ. Mãi đến đời vua Hiếu Văn, mới hạ chiếu tìm người hiểu được sách *Thượng Thư*. Nhưng thiên hạ không có ai. Nghe Phục Sinh chuyên trị sách ấy, muốn mời vào triều. Bấy giờ Phục Sinh tuổi ngoài

chín mươi, già đi không nổi! Vì thế Nhà vua chiếu cho quan Chưởng cố ở tòa Thái thường tên là Triều Thố đến nơi mà học sách ấy...”

Theo lời tựa sách *Cổ văn Thượng Thư* của Vệ Hoằng viết, thì:

“Phục Sinh già, nói không được đúng tiếng!... Nên nói ra, nghe không thể hiểu được! Bèn sai người con gái ông nói truyền lại để dạy Thố. Tiếng nói ở Tề phần nhiều lại khác với Dĩnh Xuyên (quê Thố)! Cho nên, mười phần Thố không hiểu đến hai, ba phần! đành hiểu lược lấy ý, học cho thuộc lòng mà thôi!”

Lại theo lời Khổng Dĩnh Đạt:

“Thiên *Thái thế* vốn không phải của Phục Sinh truyền dạy. Thiên ấy tìm ra vào đời Hán Vũ đế. Nhà chép Sử nhân cho lộn cả vào những thiên của Phục Sinh. Và vì thế mới được là hai mươi chín thiên”.

Thế nhưng bộ *Thượng Thư* mà ngày nay chúng ta được đọc gồm những năm mươi tám thiên!

Ấy là bộ *Thượng Thư* mà người ta tìm thấy về đời Đông Tấn.

Bộ ấy, trên có bài tựa của Khổng An Quốc, cháu xa đời của thầy Khổng, và làm quan với vua Hiếu Vũ đời Hán, đồng thời với Tư Mã Thiên.

Thế là ở đời có hai bản *Thượng Thư*: bản của Phục Sinh, vì viết theo lối chữ Kim, nên gọi là Kim văn. Còn bản tìm ra về đời Tấn, viết theo lối chữ Cổ, nên gọi là Cổ văn.

Rồi đến đời Tùy, trong niên hiệu Khai Hoàng lại tìm thêm được thiên *Thuấn điển*.

Sang đời Đường Huyền tông, người ta mới dồn hai bản ấy làm một. Thiên nào cả hai bản đều có, thì chưa: “Kim văn Cổ văn đều có”.

Thiên nào chỉ có trong một bản, thì chưa:

“Cổ văn có, Kim văn không”.

Vậy, bản ta được đọc ngày nay, là định tự đời Đường, trong niên hiệu Thiên Bảo.

Tuy vậy, đối với những thiên không có trong Kim văn, người đời vẫn đem lòng ngờ vực.

Vì hai có:

Một là bài tựa của Khổng An Quốc chưa chắc của họ Khổng: Khổng sinh đời Tây Hán, mà lời văn trong tựa lại không giống văn Tây Hán chút nào!

Hai là, chẳng những bài tựa có thể ngờ là người sau viết mạo ra, cả đến những thiên sách “Cổ văn có, Kim văn không” kia, lời văn lại bình dị dễ hiểu, e cũng là người sau viết mạo ra nốt!

Dù ngờ vực vậy, đối với các nhà Nho, bộ *Thượng Thư* vẫn được coi là một Thánh Kinh!

Chúng tôi dịch sách này, vì nó là một cuốn sử cổ nhất nước Tàu, mà có lẽ cổ nhất cả thế gian! Sau nữa, trong nó chứa một phần đạo lý của Khổng giáo, một học thuyết có quan hệ lớn đến dân tộc ta, mà dù sau này tiến theo ngã nào, ta cũng không thể bỏ qua không xét được.

Trước Trung thu Canh Thìn hai ngày (1940)

Tại nhà thờ Bích Khê công,

NHƯỢNG TỔNG

Tựa¹

Đời xưa, vua Phục Hy trị thiên hạ, mới vạch ra Tám Quẻ: đặt ra chữ viết để thay lối chính trị “thắt nút thừng”! Từ đó sinh ra có sách vở.

Các sách của Phục Hy, Thần Nông, Hoàng Đế, gọi là Tam Phần. *Phần* nghĩa là *Đạo Cả*.

Các sách của Thiệu Hiệu, Chuyên Húc, Cao Tân và Đường, Ngu, gọi là Ngũ Điển. *Điển* nghĩa là *Đạo Thường*.

Đến như các sách của ba đời Hạ, Thương, Chu, tuy đặt dạy không thứ bậc, nhưng lời nhã, nghĩa sâu, cùng rút về một khuôn phép.

Thế cho nên trải qua các đời vẫn quý báu các sách ấy, coi là những lời giáo huấn lớn lao.

Sách thuyết minh về Tám Quẻ, gọi là Bát Sách. *Sách* là *tìm*; tìm cho ra ý nghĩa của nó.

1. Truyền là của Khổng An Quốc, cháu mười hai đời thầy Khổng.

Sách ghi chép về Chín Châu (nước Tàu xưa chia làm chín châu) gọi là Cửu Khâu. *Khâu* là *hợp*. Ý nói chín châu có những gì? Đất đai sinh sôi thế nào? Phong khí thích hợp ra sao? Điều hợp cả trong bộ sách ấy.

Trong *Kinh Xuân Thu*, lời *Truyện* của họ Tả chép: “Quan Tả Sử nước Sở là Ý Tướng đọc thuộc được Tam Phần, Ngũ Điển, Bát Sách, Cửu Khâu”. Ấy tức là sách của các Đế, Vương đời trước còn để lại.

Tiên quân tôi là Khổng Tử, sinh vào cuối đời Chu. Thấy phiên văn của sử sách, e kẻ đọc đem lòng phân vân... Thế rồi bèn: định *Lễ*, *Nhạc* cho rõ phép cũ; sao *Thi* lấy ba trăm thiên; rút *Sử ký* mà sửa nên *Xuân Thu*; bàn lẽ *Dịch* để truat *Bát Sách*; thuật *Chức Phương* để trừ *Cửu Khâu*...

Xem xét Phần, Điển, ngắt từ Đường, Ngu trở xuống đến Chu. Dầy bỏ phiên rồi; cắt bớt lời thừa; cắt những giềng lớn, tóm những then chốt, đáng đem dạy bảo cho đời sau: văn gồm được một trăm thiên Điển, Mô, Huấn, Cáo, Thệ, Mệnh. Dùng để mở rộng Đạo Cả, chỉ bảo khuôn lối cho những người làm vua. Các chế độ của Đế, Vương, rõ ràng minh bạch, có thể đem ra mà làm. Ba nghìn học trò, đều học hiểu ý nghĩa.

Kịp khi vua Thủy Hoàng nhà Tần, hủy diệt các điển tịch đời trước: đốt sách! Chôn sống các nhà Nho! Các học sĩ trong đời, trốn nạn tan tác cả! Ông, cha tôi bèn đem giấu sách của nhà mình vào trong tường vách!

Nhà Hán lên ngôi rồng, mở đặt trường học, rộng tìm các người nho nhã để mở mang Đạo Cả. Phục Sinh ở Tế Nam, tuổi ngoài chín mươi, lạc mất Kinh viết, dạy truyền khẩu cho học trò, còn được có hai mươi chín thiên. Vì là sách của đời Thượng Cổ, nên gọi là *Thượng Thư*. Nghĩa trăm thiên xưa, đời không ai được nghe đủ nữa.

Đến đời Chúa Cung vương nước Lỗ, thích sửa chữa cung; đền, phá nhà cũ của Khổng Tử để mở rộng thêm chỗ ở. Trong tường vách, bắt được các sách cổ mà ông, cha tôi cất giấu. *Kinh Thư* của các đời Ngu, Hạ, Thương, Chu, cùng *truyện Luận ngữ*, *Hiếu kinh*. Đều viết theo lối chữ *Khoa đầu*¹. Chúa lại lên tiền đường của Khổng Tử, nghe thấy tiếng vàng, đá, tơ, trúc. Bèn không phá nhà nữa, đem sách trả cả lại cho họ Khổng.

Lối chữ *Khoa đầu* bỏ đã lâu, người đời không còn ai biết. Lấy sách nghe được ở Phục Sinh, so xét chữ nghĩa, mới định được những chỗ có thể biết được. Dùng lối chữ *Lệ*, viết thay sang thẻ tre. Nhiều hơn sách của Phục Sinh được hai mươi lăm thiên.

Phục Sinh lại đem thiên *Thuấn điển* dôn vào với thiên *Nghiêu điển*; *Ích Tắc* dôn vào với *Cao Rao mô*;

1. Khoa đầu: con nòng nọc. Lối chữ viết các nét đều như hình con nòng nọc.

Bàn Canh ba thiên dồn làm một; *Khang vương chi cáo* dồn vào với *Cố mệnh*.

Tính cả những thiên kia và lời *tự*¹, gồm năm mươi chín thiên, chia làm bốn mươi sáu cuốn.

Ngoài ra lẫn lộn, mất mát, không thể hiểu được nữa! Đều đưa lên Quan, cất vào kho sách, để đợi người biết².

Tôi vâng chiếu làm truyện cho năm mươi chín thiên. Vì thế bèn xét kỹ, nghĩ sâu, xem rộng kinh sách, lược nhặt lời các nhà để lập nên huấn truyện: tóm văn, chua nghĩa, tỏ rõ ý sách, họa chẳng có bổ ích cho tương lai. Còn lời *tự* là bày tỏ ý người làm ra là vì có làm sao? Nghĩa thấy rõ ràng nên để phụ gần nhau... Cho nên đem nó đặt lên đầu từng thiên. Định lại làm năm mươi tám thiên.

Khi đã xong, xảy trong nước có việc Vu Cổ³, đạo kinh sách xếp bỏ, nên tôi không tâu lên nữa. đành truyền cho con, cháu, để lại đời sau! Bằng như các bậc quân tử, rộng, nhã, chuộng cổ, đồng chí với tôi, thì cũng không giấu giếm chi cả...

KHỔNG AN QUỐC

tựa

1. Lời *tự* này lẻ loi từng câu một. Hiện nay đặt trên đầu các thiên.

2. Những đám lẫn lộn, mất mát, tất cả bốn mươi hai thiên. Hiện nay chỉ còn tên thiên, chứ nguyên văn thì đã thất lạc hẳn.

3. Một cái án vụ hãm về đời Hán Vũ đế, do đó mà Thái tử chết oan.